

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2025 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 57/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 199/TTr-SNV ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công văn số 1788/SNV-CCHCTN&VTLT ngày 16 tháng 10 năm 2025 và ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng

Ngãi” giai đoạn 2025 - 2030 (sau đây gọi tắt tiếng Việt là *Chỉ số CCHC*, tiếng Anh là *PAR INDEX*), với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các sở, ban ngành (gọi chung là sở); Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (gọi chung là xã) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá khách quan, toàn diện, công bằng kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đánh giá định lượng, kết hợp với định tính; đánh giá kết quả CCHC với tác động của CCHC; kết hợp đánh giá bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức đối với kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- So sánh, xếp hạng kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhận rõ những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC hàng năm.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã. Phương pháp đánh giá khoa học, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của khoa học công nghệ.

b) Việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã và đánh giá thực chất, khách quan, công bằng kết quả CCHC hàng năm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai CCHC của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới địa phương.

đ) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

e) Hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đối tượng áp dụng:

- 15 sở, ban ngành, gồm: 12 sở, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; trong đó, 01 cơ quan đặc thù là Thanh tra tỉnh có thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với các cơ quan còn lại.

- 96 Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC các sở, ban ngành (cấp sở)

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở được cấu trúc gồm: 07 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 06 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 06 tiêu chí và 21 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước: 05 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở được nêu chi tiết tại Bảng 1 (*kèm theo Quyết định này*).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 27/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá:

+ Các sở, ban ngành tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của sở và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp sở và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các sở tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 1;

+ Điểm tự đánh giá của các sở, ban ngành được Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC của tỉnh xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Hội đồng thẩm định của tỉnh tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định được thể hiện tại cột “Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá” của Bảng 1.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 1. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Bộ Chỉ số CCHC cấp sở;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 1.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”. Theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần;

- Tổng điểm đạt được để xác định Chỉ số CCHC của từng sở, ban ngành được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 1.

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC:

Kết quả Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành tỉnh được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

2. Chỉ số CCHC các xã, phường, đặc khu (cấp xã)

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp xã:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp xã được cấu trúc gồm: 08 lĩnh vực đánh giá, 41 tiêu chí, 89 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 07 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 06 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước: 05 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;
- Tác động của CCHC đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội: 04 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp xã được nêu chi tiết tại Bảng 2 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 26/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá:

+ Các xã tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp xã và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các xã tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 2.

+ Điểm tự đánh giá của các xã được Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC của tỉnh xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Hội đồng thẩm định của tỉnh tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định được thể hiện tại cột “Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá” của Bảng 2.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp xã;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 2.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC cấp xã được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC:

Kết quả Chỉ số CCHC các xã, phường, đặc khu được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với việc xác định Chỉ số CCHC

a) Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm.

b) Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả CCHC.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (*hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...*) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai CCHC hàng năm của cấp sở, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã: Phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện CCHC triển khai công tác theo dõi, đánh giá CCHC của sở, ban ngành, các xã, phường, đặc khu một cách thường xuyên, liên tục. Tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, trung thực kết quả CCHC đạt được hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

b) Các cơ quan được giao chủ trì thực hiện các nội dung CCHC theo phân công tại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh Quảng Ngãi; có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC đối với lĩnh vực được giao phụ trách, đề hàng năm phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện CCHC của các sở, ban ngành tỉnh và các xã, phường, đặc khu.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số; bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

a) Xây dựng, hoàn thiện phần mềm đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC một cách chính xác, khách quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính. Nghiên cứu các hình thức tổ chức điều tra xã hội học một cách phù hợp, trong đó có hình thức điều tra trực tuyến để lấy ý kiến người dân, tổ chức về kết quả CCHC của các sở, cấp xã.

b) Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Sở Nội vụ, cơ quan chủ trì triển khai Đề án:

- Ban hành văn bản hướng dẫn các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của sở, của xã.

- Ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, bao gồm:

+ Tổ chức triển khai công tác tự đánh giá chấm điểm kết quả CCHC của cấp sở, cấp xã theo quy định.

+ Tổ chức công tác điều tra xã hội học: Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học. Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, các xã.

+ Tổng hợp, xử lý số liệu, xây dựng báo cáo Chỉ số CCHC.

+ Thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của cấp sở, cấp xã.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của cấp sở, cấp xã về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và từng nhóm cơ quan, địa phương đặc thù.

- Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong theo dõi, đánh giá: Xây dựng phần mềm đánh giá; khảo sát trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC.

b) Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực để triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của cấp sở, cấp xã.

- Các Sở: Tài chính; Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC đối với từng lĩnh vực theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở,

ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2023 - 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiền